

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SANDBOX**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI SANDBOX

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SBGR

Tên công ty viết tắt: SANDBOX TRADING AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110207864

**3. Ngày thành lập:** 14/12/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3 DV09 Lô 11 Khu Đô Thị Tây Nam Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962169982

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4610     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4632     |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4633     |
| 4.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4641     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649     |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>(Loại trừ hoạt động Bán buôn đá quý và các mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh)                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4669     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Không bao gồm: hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu).                                                | 8299        |
| 8.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác                   | 7410(Chính) |
| 9.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản, các mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh)                                                                                                                             | 4690        |
| 10. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản) | 4719        |
| 11. | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                                                               | 1311        |
| 12. | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                                                      | 1312        |
| 13. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                                                    | 1313        |
| 14. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                                                    | 1391        |
| 15. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                     | 1392        |
| 16. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                   | 1393        |
| 17. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                     | 1399        |
| 18. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                             | 1410        |
| 19. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                           | 1420        |
| 20. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                       | 1430        |
| 21. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                                                                              | 1511        |
| 22. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                             | 1512        |
| 23. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                                         | 1520        |
| 24. | Sản xuất sợi nhân tạo                                                                                                                                                                                                                      | 2030        |
| 25. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản)                                                     | 4774        |
| 26. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                   | 4782        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng;<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet.<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)<br>(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 4791 |
| 28. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ;<br>- Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                     | 4799 |
| 29. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4751 |
| 30. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4771 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần  | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | HOÀNG THỊ<br>YẾN    | Tiểu Khu 11, Thị<br>Trần Mộc Châu,<br>Huyện Mộc Châu,<br>Tỉnh Sơn La, Việt<br>Nam  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000.<br>000 | 100.000.000              | 10,000       | 0331980083<br>73                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Tổng số                            | 10.000.<br>000 | 100.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    |                                    |                |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN THU<br>HƯƠNG | Thôn 2, Xã Vạn<br>Phúc, Huyện<br>Thanh Trì, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 30.000.<br>000 | 300.000.000              | 30,000       | 0011960183<br>47                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Tổng số                            | 30.000.<br>000 | 300.000.000              | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    |                                    |                |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |              |                                                                                       |                           |            |             |        |              |
|---|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-------------|--------|--------------|
| 3 | CAO THỊ NGỌC | Xóm 4, Xã Diên Liên, Huyện Diên Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông         | 30.000.000 | 300.000.000 | 30,000 | 040195022040 |
|   |              |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                       | Tổng số                   | 30.000.000 | 300.000.000 | 30,000 |              |
|   |              |                                                                                       |                           |            |             |        |              |
| 4 | LÊ VĂN ĐẠI   | CT8A Chung Cư Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 30.000.000 | 300.000.000 | 30,000 | 038098030181 |
|   |              |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0           | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                       | Tổng số                   | 30.000.000 | 300.000.000 | 30,000 |              |
|   |              |                                                                                       |                           |            |             |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ VĂN ĐẠI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/01/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038098030181

Ngày cấp: 08/02/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 5, Xã Xuân Bình, Huyện Như Xuân, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: CT8A Chung Cư Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội